TỈNH ỦY CAO BẰNG
TRƯỜNG CT HOÀNG ĐÌNH GIONG
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Cao Bằng, ngày 21 tháng 9 năm 2026

ĐIỂM VÀ XẾP LOẠI RÈN LUYỆN
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ KHÓA 34
Hình thức đào tạo: Không tập trung
Thời gian học từ ngày 27/5/2025 đến ngày 21/9/2026

STT	Họ và tên	Tính chuyên cần trong học tập (4,0 điểm)	Thực hiện quy chế QLĐT và nội quy nhà trường (4,0 điểm)	Tham gia hoạt động tập thể do trường, lớp tổ chức (2,0 điểm)	Tổng điểm	Xếp loại
1	Nông Thị Vân Anh	3,50	3,50	1,00	8,00	Tốt
2	Hoàng Thị Hoài Anh	3,50	3,50	1,00	8,00	Tốt
3	Hoàng Văn Biên	3,50	3,50	1,00	8,00	Tốt
4	Triệu Thị Bình	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt
5	Nông Văn Chấn	3,50	3,50	1,00	8,00	Tốt
6	Tô Quỳnh Châu	3,50	3,50	1,00	8,00	Tốt
7	Nguyễn Đình Chiến	3,50	3,50	1,00	8,00	Tốt
8	Nông Văn Đạt	3,50	3,50	1,00	8,00	Tốt
9	Trần Thùy Dương	3,50	3,50	1,00	8,00	Tốt
10	Ngân Bích Duyên	3,50	3,50	1,00	8,00	Tốt
11	Ngân Thế Duyệt	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt
12	Lãnh Ngọc Hiên	3,50	3,50	1,00	8,00	Tốt
13	Lê Thị Hiền	3,50	3,50	1,00	8,00	Tốt
14	Triệu Quang Hiệp	3,50	3,50	1,00	8,00	Tốt
15	Nông Thị Hiệu	3,50	3,50	1,00	8,00	Tốt
16	Nông Trịnh Hổ	3,50	3,50	1,00	8,00	Tốt
17	Hà Mộng Hoa	3,50	3,50	1,00	8,00	Tốt
18	Lương Văn Hợi	3,50	3,50	1,00	8,00	Tốt
19	Nông Thị Thúy Hồng	4,00	3,50	1,00	8,50	Tốt
20	Đàm Thị Thu Huế	4,00	3,50	1,00	8,50	Tốt
21	Vũ Thu Hương	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt
22	Nông Thu Hương	4,00	3,50	1,00	8,50	Tốt
23	Đinh Thị Huyền	3,50	3,50	1,00	8,00	Tốt
24	Đàm Thị Huyền	3,50	3,50	1,00	8,00	Tốt

STT	Họ và tên	Tính chuyên cần trong học tập (4,0 điểm)	Thực hiện quy chế QLĐT và nội quy nhà trường (4,0 điểm)	Tham gia hoạt động tập thể do trường, lớp tổ chức (2,0 điểm)	Tổng điểm	Xếp loại
25	Ma Thị Huyền	3,50	3,50	1,00	8,00	Tốt
26	Cao Thanh Kiều	4,00	3,50	1,00	8,50	Tốt
27	Lục Hồng Kỳ	4,00	3,50	1,00	8,50	Tốt
28	Phùng Thị Hồng Lan	3,50	3,50	1,00	8,00	Tốt
29	Thân Thị Lan	3,50	3,50	1,00	8,00	Tốt
30	Lâm Thị Lan	3,50	3,50	1,00	8,00	Tốt
31	Nguyễn Thị Hoàng Lan	3,50	3,50	1,00	8,00	Tốt
32	Hứa Văn Lập	3,50	3,50	1,00	8,00	Tốt
33	Nông Thùy Linh	3,50	3,50	1,00	8,00	Tốt
34	Nguyễn Thị Linh	3,50	3,50	1,00	8,00	Tốt
35	Lương Quang Linh	3,50	3,50	1,00	8,00	Tốt
36	Nguyễn Thùy Mai	3,50	3,50	1,00	8,00	Tốt
37	Lý Thị Ngọc Mai	3,50	3,50	1,00	8,00	Tốt
38	Phạm Đại Nam	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt
39	Linh Thị Ngà	3,50	3,50	1,00	8,00	Tốt
40	Nông Đình Nghĩa	3,50	3,50	1,00	8,00	Tốt
41	Bùi Thị Hồng Ngọc	3,50	3,50	1,00	8,00	Tốt
42	Nông Thị Hồng Ngọc	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt
43	Đào Ánh Nguyệt	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt
44	Vi Thị Nhung	3,50	3,50	1,00	8,00	Tốt
45	Hoàng Thị Hồng Nhung	3,50	3,50	1,00	8,00	Tốt
46	Vi Minh Quang	3,50	3,50	1,00	8,00	Tốt
47	Tô Thị Quyên	3,50	3,50	1,00	8,00	Tốt
48	Đinh Văn Tập	3,50	3,50	1,00	8,00	Tốt
49	Nguyễn Hữu Thắng	3,50	3,50	1,00	8,00	Tốt
50	Long Văn Thành	3,50	3,50	2,00	9,00	Tốt
51	Nông Thị Minh Thu	3,50	3,50	1,00	8,00	Tốt
52	Đặng Thanh Thùy	4,00	3,50	1,00	8,50	Tốt
53	Đàm Thị Thủy	3,50	3,50	1,00	8,00	Tốt
54	Lê Thanh Thủy	3,50	3,50	1,00	8,00	Tốt
55	Đàm Thanh Tình	3,50	3,50	1,00	8,00	Tốt

STT	Họ và tên	Tính chuyên cần trong học tập (4,0 điểm)	Thực hiện quy chế QLĐT và nội quy nhà trường (4,0 điểm)	Tham gia hoạt động tập thể do trường, lớp tổ chức (2,0 điểm)	Tổng điểm	Xếp loại
56	Thang Thành Trung	3,50	3,50	1,00	8,00	**Tốt**
57	Nguyễn Minh Tuấn	3,50	3,50	1,00	8,00	**Tốt**
58	Phạm Minh Tuấn	3,50	3,50	1,00	8,00	**Tốt**
59	Lưu Đức Tùng	3,50	3,50	1,00	8,00	**Tốt**
60	Trần Văn Việt	3,50	3,50	1,00	8,00	**Tốt**

GHI ĐIỂM

Đoàn Thị Kim Liên

PHÒNG QL ĐT, BD VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Phương

K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Việt Hưng